

**Gặp Chúa
Trong Trại Tù Cải Tạo**

**Lời chứng của cựu
Trung Tướng Nguyễn Hữu Cồ**

**Gặp Chúa
Trong Trại Tù Cải Tạo**

**Lời chứng của cựu
Trung Tướng Nguyễn Hữu Cồ**

I Found God in a Labor Camp

Vietnamese Edition

Copyright 2015 Voice Media

info@VM1.global

Web home: www.VM1.global

All rights reserved. No part of the publication may be reproduced, distributed or transmitted in any form or by any means, including photocopying, recording, or other electronic, or mechanical methods, without the prior written permission of the publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical reviews and certain other noncommercial uses permitted by copyright law. For permission requests, email the publisher, addressed “Attention: Permission Coordinator,” at the address above.

This publication **may not be sold, and is for free distribution** only.

Một trong những tướng lãnh của Việt Nam Cộng Hòa được nhiều người biết danh là Trung Tướng Nguyễn Hữu Cỏ, nguyên Phó Thủ Tướng, Tổng Trưởng Quốc Phòng, và Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực VNCH. Tuy nhiên, tất cả những chức tước và danh vọng này không quan trọng cho bằng kinh nghiệm gặp Chúa trong trại cải tạo sau biến cố tháng 4/1975 của vị tướng lãnh này.

Gặp Chúa

Trong Trại Tù Cải Tạo

Sự Nghiệp Và Tôn Giáo

Từ thuở nhỏ đến lúc trưởng thành, tôi không theo một tôn giáo nào cả. Gia đình tôi chỉ thờ cúng ông bà.

Năm 1958, tôi đã được 15 năm trong binh nghiệp. Với cấp bậc Đại Tá, tôi giữ chức vụ Tư Lệnh Quân Khu 1 gồm 9 tỉnh Miền Đông Nam Bộ. Lúc đó, các thầy tướng số và các nhà sư khuyên tôi nên lập trang thờ các vị hộ mạng. Tôi tin vào lời khuyên và bắt đầu thờ Ông (Quan Công - Lưu Bị - Trương Phi), Đức Phật Thích Ca và Phật Bà Quan Âm.

Mặc dù thờ Phật, nhưng tôi không hề đi chùa, không đọc kinh Phật nên chẳng hiểu biết giáo lý Phật giáo. Sự thờ cúng của tôi cũng chỉ nhằm mục đích bảo hộ bản thân. Vì bận công việc hằng ngày, tôi không có thời giờ tìm hiểu các vấn đề cơ bản trong Phật giáo nhất là sự ăn năn và tha thứ tội lỗi, sự cứu rỗi linh hồn...

Cuối năm 1963, tôi được thăng Thiếu Tướng vì có công trong cuộc đảo chính lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Cuộc

đời binh nghiệp của tôi từ đây có những bước tiến vọt đáng kể:

1964-1965 : Làm Tư Lệnh Quân Đoàn IV rồi Tư Lệnh Quân Đoàn II.

1965-1966 : Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Quốc Phòng.

Địa vị tôi càng cao, càng vững vàng thì tôi càng tin nơi các Đấng hộ mạng. Tôi biệt riêng ra một phòng tại tư thất dành cho việc thờ cúng. Tôi cũng thờ thêm nhiều vị Phật và thần hộ mạng khác như : Phật Di Lặc, Phật Bà Chúa Sứ, Phật Đầu Xà (Thái Lan), các Thần tài, Thổ địa ... Tôi chi tiền rộng rãi mua sắm hương đèn hoa quả, còn việc thờ cúng thì giao cho quản gia và người chị vợ trách nhiệm mỗi đêm thắp hương niệm Phật.

Các vị thượng khách ngoại quốc khi đến Việt Nam, biết tôi sùng đạo (dù chỉ bằng hình thức) đã tặng tôi nhiều tượng Phật quý thỉnh từ các chùa Miên, Lào, Thái Lan. Tôi cũng đeo trong mình hàng chục tượng Phật nhỏ bằng vàng, ngà voi, đá quý do nhiều người gửi tặng để lúc nào tôi cũng được che chở hộ mạng.

Gia đình tôi quan niệm rằng muốn cho linh hồn mình được cứu rỗi trong đời sau thì trong đời này phải chăm lo đạo đức, làm lành lánh dữ, dâng hiến cho các chùa và làm công tác từ thiện.

Đời binh nghiệp và chính trị của tôi đã lên tột đỉnh từ giữa năm 1965 đến đầu năm 1967.

Với địa vị đứng hàng thứ ba sau hai Tướng Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ, tôi chẳng những có thanh thế trong nước mà còn có tiếng tăm. Tôi đã đi thăm và hoạt động ngoại giao ở nhiều nước trên thế giới. Ở châu Á, tôi đã đi thăm Thái Lan, Đài Loan, Phi Luật Tân, Đại Hàn. Ở châu Âu, tôi đã đến Anh, Pháp, Đức, Ý. Đặc biệt tôi đã được Đức Giáo Hoàng Phao lô đệ lục tiếp kiến tại Tòa Thánh Vatican. Ở châu Phi, tôi đã thăm và gặp gỡ các vị Tổng Thống Bourguiba của Tunisie, Tổng Thống Houphouet Boigny của Côte d'Ivoire. Ở Hoa Kỳ, tôi đã được mời thăm một số lớn các căn cứ quân sự Mỹ tại Hawaii và trên đất liền.

Những Bước Thăng Trầm

Thủ thách thứ nhất

Cuộc đời không có gì vững bền cả! Địa vị, danh vọng, tiền bạc, hạnh phúc... nó đến khi gặp thời và ra đi khi vận hết.

Năm 1967, với địa vị Phó Thủ Tướng Chính Phủ kiêm Tổng Trưởng Quốc Phòng, tôi được hai Tướng Thiệu - Kỳ yêu cầu đi thăm Đài Loan với tư cách đại diện Quân Đội và Chính Phủ Việt Nam để cảm ơn Tổng Thống Tưởng

Giới Thạch và Chính phủ Đài Loan về những sự giúp đỡ quân sự, ngoại giao, và sự chân tình ủng hộ công cuộc chống Cộng của Miền Nam Việt Nam.

Trong chuyến công du 7 ngày này, tôi còn được giao phó:

- Khai trương đường bay Air Vietnam Sài Gòn - Đài Bắc.
- Thăm Trường Đại Học Quân Sự và Trường Võ Bị.
- Nghiên cứu tổ chức và hoạt động của Hội Cựu Chiến Binh Đài Loan.

Tôi được đón tiếp như một vị thượng khách với các nghi lễ đầy đủ. Báo chí Đài Loan cũng đề cao ca tụng tôi.

Cuộc công du đang diễn ra tốt đẹp thì đến ngày thứ ba, bất trắc đã xảy ra cho tôi. Đại Sứ Việt Nam tại Đài Loan là Tướng Trần Thiện Khiêm và Đại Sứ Trung Hoa Quốc Gia tại Việt Nam là Hồ Liên xin đến gặp tôi tại khách sạn ban đêm để trao cho tôi bản tin nhận được từ Sài Gòn. Tôi bị Hội Đồng Quân Lực xét xử và quyết định cách chức Phó Thủ Tướng và Tổng Trưởng Quốc Phòng, đồng thời bị giải ngũ khỏi quân đội.

Tôi hơi bàng hoàng vì trước ngày tôi lên đường, mọi việc có vẻ bình thường. Tôi lấy lại bình tĩnh và nhận định đây là một âm mưu gạt tôi ra nước ngoài để loại tôi ra khỏi chính quyền.

Hôm sau, Tướng Nguyễn Văn Thiệu gửi điện văn qua yêu cầu tôi sau khi chấm dứt công tác ở Đài Loan, tiếp tục

dẫn phái đoàn đi thăm Đại Hàn. Tôi liên lạc điện thoại về Sài Gòn trực tiếp nói chuyện với Tướng Thiệu. Tôi trình bày rằng tôi không thể đi Đại Hàn được "vì các anh đã cách chức tôi", hơn nữa cuộc công du này chưa được chuẩn bị. Thiệu cố ép tôi đi Đại Hàn với dụng ý đưa tôi đi xa để khỏi trở về nước. Nhưng tôi xin được đến HongKong tị nạn chính trị. Cuối cùng Thiệu ưng thuận.

Ngày 20 tháng Giêng 1967, tôi rời Đài Bắc với lễ nghi tiễn đưa bình thường. Tôi rất cảm kích về sự chân tình của Tổng Thống Tướng Giới Thạch và Chính Phủ Đài Loan đã thông cảm hoàn cảnh của tôi.

Về đến khách sạn Fortuna ở đường Nathan thì có Thiếu Tướng Linh Quang Viên điện thoại xin đến gặp. Anh Viên được Thiệu cử sang Hong Kong gấp để trao cho tôi bức thư Thiệu viết tay với nội dung ngắn gọn đây sự hăm dọa. Thiệu khuyên tôi tạm ở nước ngoài để anh em bên nhà sắp xếp công việc. Nếu tôi tìm cách trở về thì Thiệu không bảo đảm tính mạng.

Anh Viên là người ôn hòa được tôi ưa mến. Anh đang giữ chức Bộ Trưởng An Ninh. Tôi vui vẻ bảo anh Viên về trình với Thiệu, tôi sẽ không làm gì gây khó khăn cho anh em bên nhà miễn các anh em xử đẹp với tôi thôi.

Tôi mau chóng ổn định cuộc sống ở Hong Kong. Tôi thuê được một căn hộ nhỏ để tôi và hai sĩ quan tùy viên trung tìn ở chung, đó là hai Đại úy Nguyễn Văn Sanh và

Nguyễn Văn Hưỡn (về sau tôi cho Sanh về nước còn Hưỡn ở lại với tôi một năm).

Tôi dần dần có nhiều bạn bè ở Hong Kong. Một số bạn bè do Tòa Tổng Lãnh Sự Đài Loan giới thiệu (tổ chức chìm không có văn phòng). Họ là những người giàu có trong tổ chức Quốc Dân Đảng ở Hong Kong. Những người này tìm cách giúp đỡ và an ủi tôi bằng những cuộc chiêu đãi, vui chơi, ăn uống, du ngoạn. Có một số khác là những người Việt Nam sinh sống lập nghiệp ở Hong Kong, trong số này đáng kể nhất là Cự Lưu Đức Trung, 67 tuổi, trước làm Cố Vấn cho Bảo Đại lúc vị cựu Hoàng Đế này sống lưu vong ở Hong Kong (1946-1949).

Một người nữa tên Hồng Hớn Ba (40 tuổi), quê ở Bạc Liêu có vợ Tàu làm ở bệnh viện Hong Kong, còn ông làm Chấp sự ở Hội Thánh Tin Lành Hong Kong. Ông Ba thường đến nhà tôi để chia sẻ về Đức Chúa Trời, về Đấng Chúa Cứu Thế Giêxu. Ông Ba tặng tôi quyển Kinh Thánh Tân Ước và khuyên tôi nên đọc và suy gẫm Lời Chúa. Tôi ghi nhận lòng tốt và sự sốt sắng của ông Ba, nhưng thú thật lúc đó cửa tâm hồn của tôi còn đóng kín, ánh sáng chân lý chưa lọt được vào trong. Tôi chẳng chú tâm tìm hiểu và cũng lười đọc Kinh Thánh.

Tôi tạm yên vui với cảnh sống ở HongKong. Vợ con tôi mỗi năm qua thăm và ở lại với tôi vài lần. Gia đình tôi bên nhà cũng yên ổn sau vài tuần gặp khó khăn ban đầu.

Với thời gian rồi việc gì cũng qua. Việc của tôi bị lãng quên khóa lấp với những sự việc mới.

Sau khi đắc cử Tổng Thống, Thiệu triệu hồi về nước Tướng Trần Thiện Khiêm, Đại sứ ở Đài Loan, và Tướng Đỗ Cao Trí, Đại sứ ở Đại Hàn. Giữa năm 1969, Thiệu cũng nhờ Tướng Trần Văn Đôn (Nghị sĩ) sau khi đi công tác ở Đài Loan về ghé Hong Kong cho tôi biết Thiệu đã đồng ý cho tôi trở về nước. Nhưng mãi đến ngày 20-1-1970, Thiệu mới gửi điện cho tôi trở về.

Ba năm ở HongKong đã cho tôi đủ thời gian suy gẫm để định hướng lại cuộc đời. Tôi quyết định khi trở về nước sẽ xóa hết những sự thù hiềm, quên đi chuyện cũ. Tôi dứt khoát không tham gia chính trị và chỉ lo làm ăn nuôi sống gia đình.

Thư thách thứ hai

Trong năm 1970, tôi lập một trại nuôi gà ở xã Phước Long, Thủ Đức, thu thập tạm đủ cho gia đình chi dùng.

Cuối năm 1970, do giao dịch với Tín Nghĩa Ngân Hàng, tôi gặp lại anh Nguyễn Tấn Đời và nối lại tình bạn cũ từ trước. Anh Đời mời tôi hợp tác với Tín Nghĩa Ngân Hàng. Tôi chấp nhận ngay vì việc chăn nuôi cũng bấp bênh không có tương lai.

Sau khi học việc một thời gian, anh Đời cho tôi làm Phó Tổng Giám Đốc các chi nhánh. Với chức vụ này, tôi

thường đi thanh tra các chi nhánh ở Sài Gòn và các tỉnh (từ 9 lúc ban đầu đã phát triển lên đến 22 chi nhánh lúc Tín Nghĩa Ngân Hàng bị rút giấy phép).

Tháng tư 1973, Tín Nghĩa Ngân Hàng bị rút giấy phép hoạt động vì Đoàn Thanh Tra Ngân Hàng Quốc Gia đã tìm thấy nhiều hồ sơ cho vay bất hợp lệ. Anh Đồi và các nhân viên chủ chốt bị bắt giam ở Chí Hòa và bị truy tố ra Tòa. Tôi cũng bị truy tố ra Tòa nhưng được tại ngoại, có lẽ vì tôi không dính líu đến việc làm ăn và cho vay ở trụ sở trung ương. Thế là tôi bị mất việc, phải xoay ra nghề khác để sinh sống. Tôi mở một tiệm buôn xe đạp ở Sài Gòn và lập một cơ sở chế biến khô mực xuất khẩu ở Vũng Tàu.

Thứ thách thứ ba

Năm 1975, sau khi Phước Long rời Ban-mê-thuột bị thất thủ, tôi bắt đầu lo lắng cho số phận Miền Nam Việt Nam. Khi Chính phủ quyết định rút bỏ Kontum, Pleiku, tình hình quân sự suy sụp mau chóng.

Trọn tháng Tư, tôi đã bỏ hết công việc làm ăn để tìm phương tiện đưa gia đình ra nước ngoài. Nhưng số phận tôi đã được an bài! Tất cả lo liệu của tôi đều thất bại. Gia đình chúng tôi bị kẹt lại sau ngày Miền Nam thất thủ. Tôi không trách bạn bè không giúp đỡ vì trước cảnh đầu sôi lửa bỏng, ai cũng lo cho bản thân mình trước đã.

Là kẻ chiến bại còn ở lại, tôi phải chấp nhận mọi tình huống nguy hiểm đau khổ xảy ra.

Trước hết là mất tài sản. Tôi được lệnh lên Đà Lạt và ra Vũng Tàu giao nhà cho Ủy Ban Quân Quản. Cơ quan này từ chối không cấp cho tôi biên lai nhận nhà. Đây là một sự tước đoạt chứ không phải là một sự chuyển giao. Nhà tôi đang ở 181 Cách Mạng cũng giao cho ông chủ mới. Lúc đó mạng sống của tôi còn không bảo đảm được còn nói chi đến tài sản!

Cuối cùng là lệnh gọi đi trình diện cải tạo. Từ đây, những ngày dài vô tận và vô cùng đen tối đã bao trùm lên tôi và gia đình tôi.

TÔI NHÌN BIẾT ĐỨC CHÚA TRỜI

Mùa Hè năm 1977, tôi và các bạn tướng lĩnh (31 người) đang ở trại 5 Yên Bái. Chúng tôi từ Trại Quang Trung đã được chuyển ra đây bằng phi cơ từ mùa Hè năm trước (1976). Ở đây, chúng tôi phải lao động nặng nhọc.

Mỗi tuần, trừ những người đau yếu, chúng tôi phải lên núi đốn củi đem về đun. Hôm ấy, trời nóng bức oi ả. Sau khi đốn xong được một vác củi đúng chỉ tiêu ấn định (khoảng 25 ký), tôi ngồi nghỉ mệt trên đồi dưới bóng mát, chờ anh em đốn xong để được lính canh đưa về trại một lượt.

Tôi nhìn xem cảnh vật xung quanh. Trên cành cây có chim đang nhảy, hót. Từng đàn bướm lượn quanh khoe cánh với đủ màu sắc sặc sỡ. Trên trời nhiều chòm mây trắng bay lững lờ dưới nền trời xanh trong trẻo. Các chú

chuồn chuồn bay chập chờn như những trực thăng cực nhỏ.

Bất giác, tôi tự hỏi ai đã tạo ra vạn vật trong thiên nhiên? Chẳng lẽ mọi vật tự nó có và vũ trụ tự nó đặt ra quy luật phát triển và tồn tại? Từ suy nghĩ đó, tôi nhìn lên trời cao và nghĩ đến một Đấng mà thế gian gọi là Ông Trời hay là Thượng Đế. Tôi nghĩ phải có Đấng Tạo Hóa tạo ra thế gian và mọi loài. Với ý nghĩ đó, tôi so sánh ông Trời với ông Phật. Người ta thường nói Trời mưa, trời nắng, trời gió, trời lạnh v.v... Khi vui mừng hay lâm nguy, người ta tự nhiên kêu Trời. Còn ông Phật thì không được gọi như thế.

Sau chuyến đi lấy củi hôm ấy, tôi có một nhận thức mới. Đó là sự bắt đầu nhìn biết Đức Chúa Trời. Từ đây, lối nhìn và lối suy nghĩ của tôi khác hẳn trước.

Đối với hoạn nạn tôi đã trải qua, tôi không quy cho số phận, rũi may nữa. Tôi nghĩ rằng Đức Chúa Trời là Đấng tạo ra tôi ắt có quyền trên đời tôi và cuộc sống của tôi. Mọi việc xảy ra trong đời tôi đều do Ngài quyết định.

Chúa Làm Phép Lạ Trong Gia Đình Tôi

Chúa cứu sống con trai tôi

Gia đình tôi có 12 người con, bốn trai tám gái. Chúng tôi rất khổ tâm có một đứa con trai hư đốn nghiện ngập xì ke. Đó là đứa con trai thứ nhì Nguyễn Hữu Trung sinh

năm 1955. Trung đã nghiện xì ke từ trước ngày mất Miền Nam.

Sau 1975, gia đình túng thiếu, cuộc sống chật vật, nhưng Trung vẫn tìm mọi cách moi tiền đi hút. Gia đình có gửi Trung vào "Trường Phục Hồi Nhân Phẩm" (cải tạo xì ke, ma túy, và gái điếm) ở Bình Triệu. Được một thời gian, trường cho trở về nhà nhưng Trung vẫn không bỏ xì ke.

Đến tháng 8 năm 1979, Trung bị nghiện nặng bỏ nhà ra đi một thời gian. Vì thiếu tiền, thiếu thuốc, Trung bị cơn nghiện dày vò hành hạ nên trở về nhà. Hai hôm sau, Trung lên cơn sốt nặng, người gầy chỉ còn da bọc xương (Trung cao 1m72 chỉ còn 28 ký). Gia đình chở Trung đến bệnh viện Nguyễn Văn Học Gia Định lúc chiều. Các bác sĩ khám cho Trung, lúc đó Trung đã hôn mê nằm như người gần chết. Bác sĩ thử tủy ở cột xương sống, Trung không còn tủy. Các bác sĩ cho biết Trung không thể sống được tới 12 giờ đêm và khuyên gia đình lo chuẩn bị mai táng. Hôm đó nhằm ngày thứ Bảy, gia đình tới lúc đó đã có vài đứa con tin Chúa (hai đứa con gái Nguyễn Thị Ngọc Thu, Nguyễn Thị Thanh Loan, và Nguyễn Thị Minh Trang là vợ Trung).

Tối hôm ấy, chúng nó đi nhóm họp ở Nhà thờ Tin Lành Trần Cao Vân và xin Mục Sư Hồ Hiếu Hạ dâng lời cầu nguyện xin Chúa chữa bệnh cho Trung. Cả Hội Thánh cầu nguyện. Tan buổi nhóm, Mục Sư Hạ và một số thanh

niên đến nhà chúng tôi cầu nguyện cho Trung đến 11 giờ đêm. Nhưng vợ tôi thì vẫn lo chuẩn bị mọi việc để mai táng Trung.

Ngày hôm sau, trời vừa mờ sáng, Ngọc Thu đã đến bệnh viện. Vì có lời dặn của Bác sĩ hôm trước, nên Thu đi thẳng xuống nhà xác. Không có xác Trung ở đây, Thu hơi mừng, đi gấp lên phòng bệnh chỗ Trung nằm, vừa đi vừa cầu nguyện Chúa. Đến nơi, Thu rất đỗi ngạc nhiên thấy Trung đã tỉnh táo đòi ăn cháo. Các bác sĩ cũng ngạc nhiên nói chỉ có phép lạ Trung mới sống được.

Sau một tuần nằm điều trị ở bệnh viện, Trung hầu như hồi phục và được xuất viện.

Chúa chữa bệnh phổi cho Trung

Về nhà được ít lâu, Trung bị bệnh lại. Đó là bệnh phổi tái phát vì năm 1973 lúc Trung còn học tại Trường Hạ sĩ quan Nha Trang, có lần đã nằm bệnh viện giải phẫu lấy mù ở phổi. Ngọc Thu đưa Trung vào bệnh viện Hồng Bàng Chợ Lớn trị lao. Nơi đây, sau khi chụp hình phổi, thử máu, thử đàm, bác sĩ cho biết Trung bị lung phổi rất nặng, phải nằm bệnh viện và cách ly với vợ con. Tạm thời Trung phải trở về nhà đợi một tuần vì bệnh viện chưa có chỗ nằm.

Cả gia đình cầu nguyện Chúa thương xót chữa bệnh cho Trung một lần nữa. Tuần sau, Trung trở lại bệnh viện để làm thủ tục nhập viện. Bác sĩ cho chụp hình phổi lại.

Rất kỳ lạ là hai lá phổi đều tốt hoàn toàn. Các thử nghiệm khác đều cho kết quả tốt. Các bác sĩ đều ngạc nhiên về trường hợp này.

Một lần nữa, Đức Chúa Trời đã yêu thương chúa lành cho Trung để qua đó cả gia đình đến với Ngài. Ha-lê-lu-gia cảm tạ Chúa!

(*Ghi chú:* Sau sự việc trên, vợ Trung là Minh Trang được một người cô ở Pháp giúp đỡ mua nhà dọn ra ở riêng và làm ăn phát đạt. Hiện vợ chồng Trung có 3 đứa con gái xinh đẹp và sống hạnh phúc. Nguyên xin Chúa ban ơn, gìn giữ gia đình Trung để chúng nó đứng vững trong đức tin mà theo Ngài).

Chúa chữa lành bệnh khó cho vợ tôi

Đầu năm 1983, vợ tôi bị bệnh tiểu đường: nước tiểu trắng đục như vôi. Nhà tôi nhờ bác sĩ Nguyễn Sào Trung chữa trị. Bệnh không thuyên giảm, bác sĩ Trung đề nghị vợ tôi đi xét nghiệm ở Bệnh viện Bình Dân Sài Gòn. Sau nhiều lần xét nghiệm và hội chẩn của các bác sĩ, Thạc sĩ Ngô Gia Hy cho biết vợ tôi bị một chứng bệnh kỳ lạ, hàng triệu người bệnh mới có một trường hợp như vậy. Có một loại giun chỉ ở trong thận, dùng thuốc không thể trục nó ra, phải giải phẫu thận mới mong cứu sống vợ tôi. Nhưng giải phẫu cũng không chắc thành công vì bệnh viện thiếu phương tiện. Hơn nữa, sức khoẻ của vợ tôi sa sút khó có thể chịu nổi cuộc giải phẫu kéo dài 7 tiếng đồng hồ. Thạc

sĩ Ngô Gia Hy đề nghị vợ tôi xin đi nước ngoài chữa trị mới có hy vọng được cứu sống. Đề nghị này rất khó thực hiện vì gia đình không có tiền, ngoài ra thủ tục xin xuất ngoại chữa bệnh cũng khó khăn.

Trong cảnh tuyệt vọng, gia đình chỉ còn có một con đường là mọi người hết lòng cầu nguyện nài xin Chúa thương xót cứu vợ tôi.

Lúc này Hội Thánh Trần Cao Vân đã bị nhà nước tịch thu và ngưng hoạt động, còn Mục sư Hồ Hiếu Hạ và các tôi tớ Chúa ở đây đã bị bắt giữ.

Gia đình chuyển qua sinh hoạt tại một nhà thờ Tin Lành cách nhà chúng tôi vài trăm thước. Mục Sư Lê Quốc Chánh, Chủ tọa Hội Thánh, đặt tay lên người vợ tôi cầu nguyện xin Chúa chữa bệnh.

Vợ tôi kiên nhẫn cầu nguyện. Cả gia đình cũng hết lòng cầu nguyện. Vài ngày sau, vợ tôi đi ngoài và phát hiện một con giun đũa lớn kéo theo một chùm giun chỉ theo phân ra ngoài. Vợ tôi lật đật đem giun chỉ vào Bệnh viện Bình Dân cho bác sĩ xét nghiệm. Thạc sĩ Ngô Gia Hy xác nhận đây chính là giun chỉ ở thận vợ tôi. Ông rất ngạc nhiên không hiểu tại sao giun lại theo đường tiêu hóa ra ngoài. Chỉ có phép lạ mới làm được việc này.

Chúa cho phép bệnh tật xảy ra thì cũng có cách chữa lành bệnh. Không việc gì Chúa chẳng làm được vì Ngài là Đấng Toàn Năng Toàn Tri. Ha-lê-lu-gia, cảm tạ Chúa!

Chúa Mở Đường Cho Tôi Đến Với Ngài

Đầu năm 1979, do tình hình chiến sự bộc phát ở biên giới Tây Bắc Việt Nam do Trung Quốc gây ra, nên các trại cải tạo ở gần biên giới phía Bắc được di tản đưa về nhập với các trại phía Nam xa biên giới.

Tập thể tướng lĩnh chúng tôi đang ở trại Hà Tây (cách Hà Nội 25 cây số về phía Tây) cũng được phân tán đi các trại khác. Tôi và các tướng Lê Minh Đào, Lý Tông Bá, và Phạm Ngọc Sang được chuyển về trại Nam Hà (phía Tây Phủ Lý 30 cây số).

Chúng tôi ở buồng 2 giam chung với các anh em tù nhân cấp đại tá. Vì số người bị giam tăng gần gấp đôi ở trại Nam Hà nên chỗ nằm bị thu hẹp lại và khẩu phần ăn cũng bị bớt cả phẩm lẫn lượng. May mà lúc đó là mùa Đông nên cũng đỡ ngột ngạt.

Đến giữa tháng 4/79, thành linh tôi được lãnh thư cùng một lúc với 7 anh em khác ở Trại. Anh em bàn tán xôn xao cho rằng tôi được phép nhận thư là do nhu cầu chính trị, để tuyên truyền cho chánh sách khoan hồng nhân đạo của chính phủ. Rồi sau đó, tôi được đưa về trại Hà Tây. Nơi đây cũng có các anh khác từ các trại cải tạo ở Thanh Hóa được đưa về. Tất cả chúng tôi là 13 người, được hưởng chế độ ăn uống bồi dưỡng và được đi tham quan Hà Nội, có vẻ như sắp được cho trở về với gia đình. Thủ tục này thường được áp dụng từ trước đến nay như một thông lệ.

Sau hơn một tuần lễ sống trong tâm trạng hồ hởi phấn khởi, chúng tôi được lệnh tập trung lên phòng họp của trại để nghe cấp trên nói chuyện. Chúng tôi mừng hụt vì không phải được thả về mà để nghe động viên tinh thần buộc đi vào Thanh Hóa nghiên cứu thành lập một nông trường cho Bộ Nội Vụ (Cục Cải Tạo). Trước vẻ mặt tiu nghỉu của chúng tôi, trại hứa hẹn thời gian đi chỉ vài tháng thôi, "rồi các anh sẽ được về".

Về sau tôi nghe anh em kể lại là khi chúng tôi đi vào Thanh Hóa, thì ở các trại khác, anh em được lên lớp học tập về việc thành lập nông trường ở Thanh Hóa và nói rằng tôi được cử làm Giám đốc Nông trường (Tôi còn là tù nhân thì làm sao được làm Giám Đốc?) Tin này làm anh em phẫn nộ và có ác cảm với tôi. Đây là lần thứ hai tôi bị tai tiếng. Lần trước tai tiếng đã từng xảy ra khi Miền Nam bị mất: ở đâu người ta cũng đồn tôi là Thượng Tá Việt Cộng! Xin Chúa chúng giám và biện minh cho con. Amen!

Tôi vào Thanh Lâm (Thanh Hóa) gần hai năm. Đến giữa năm 1981, tôi được trở về trại Hà Tây để bị giam chung trở lại với các anh em tướng lãnh. Ai cũng chê tôi gầy và đen quá.

Trong hai năm 1980 và 1981, trại Thanh Lâm bị bão lụt tàn phá nhiều lần. Nhà cửa kho tàng hư hao nặng sau mỗi lần thiên tai gây tổn kém rất nhiều, hoa màu cây cối

bị thiệt hại nhiều lần làm cho Nông trường bị phá sản. Trại Thanh Lâm bị giải thể, các trại viên được chuyển về Nam ở trại Hàm Tân.

Thời gian ở Thanh Lâm, gia đình tôi chỉ gởi quà tiếp tế chứ không ra thăm nuôi vì đường đi khó khăn trắc trở. Về đến Hà Tây, thì có người nhà tôi ra thăm (sui gia và con gái). Ngoài quà cáp, tôi còn nhận được một quyển Kinh Thánh toàn bộ. Tôi phải cất giấu mới đem được vào trại. Ở trang đầu quyển Kinh Thánh, Mục Sư Hồ Hiếu Hạ có ghi tặng tôi câu Kinh Thánh ở Thi Thiên 119:105 "Lời Chúa là ngọn đèn cho chân bác... là ánh sáng cho đường lối bác..."

Lúc bấy giờ Chúa đã làm hai việc cho tôi: (1) Chúa trang bị cho tôi hành trang tâm linh để tôi đọc hằng ngày dọn mình đến với Chúa; (2) Chúa an bài sắp xếp cho tôi ở chung với một số con cái Chúa.

Thật lạ lùng khi tôi nghĩ ra điều này. Tôi được giam ở buồng 4 có cửa thông qua buồng 3. Nơi đây có ba Cơ-đốc-nhân là các Tướng Lê Trung Trực, Đoàn Văn Quang, và Nguyễn Chấn Á.

Thật Chúa đã tạo cho tôi một môi trường thuận lợi để sinh hoạt thờ phượng Ngài và học Kinh Thánh, cùng dự các buổi thông công cầu nguyện với nhau.

Tôi Chju Phép Báp-têm Trong Trại Giam

Cuối tháng 2/1983, toàn trại Hà Tây được chuyển về trại Nam Hà. Các tướng lãnh được tập trung giam riêng ở một dãy buồng lớn. Tôi rất mừng là trại này có giam sáu Mục Sư cựu Tuyên Úy Tin Lành và một Mục Sư dân sự (Mục Sư Điều Huynh).

Ngày Chúa nhật 20 tháng 3 năm 1983 là ngày đáng ghi nhớ trong đời tôi. Sáng hôm ấy, sau khi tập họp điểm danh ngoài sân trước buồng, đáng lẽ người cán bộ phụ trách điểm danh đóng khóa cửa vòng ngoài của buồng như thường lệ, thì anh ta lại quên khóa cửa. Chế độ giam giữ cấp Tướng là biệt giam. Chúng tôi không được ra ngoài liên hệ với các buồng khác.

Sau khi thấy được việc quên khóa cửa, các anh em Cơ-đốc nhân chúng tôi bàn với nhau nên lén lút thoát ra ngoài tìm chỗ nhóm họp của các Mục sư. Sau khi đồng ý, chúng tôi hé cửa thoát ra ngoài hỏi thăm chỗ nhóm của các Mục sư rồi đến ngay nơi ấy.

Chúng tôi vào buồng 11 leo lên gác trên (chỗ ngủ phía dưới là bộ xi măng còn phía trên là sạp ván). Đang nhóm họp tại đây có các Mục sư Dương Kỳ, Nguyễn Văn Nghi, Võ Xuân, và một số tín hữu ở các buồng khác đến. Chúng tôi tham gia thờ phượng Chúa và nghe Mục sư Dương Kỳ giảng. Xong bài giảng, tôi ngỏ ý xin Mục sư Dương Kỳ làm phép báp tem cho tôi vì nếu bỏ lỡ cơ hội này, khó có

thể có dịp khác. Được Chúa cảm động, Mục sư Dương Kỳ chấp thuận ngay. Thế là tôi được làm phép báp tem bằng nước... trong bi-đông rưới lên đầu. Tôi cảm động đến rơi lệ vì tình thương của Chúa đã cứu chuộc tôi. Chúa đã rửa sạch tội lỗi cho tôi. Kể từ hôm ấy, tôi được địa vị làm con cái của Ngài và được gọi Ngài là Cha thiên thượng. Rõ ràng Chúa đã dọn đường cho tôi đến với Chúa theo cách Ngài muốn.

Vì tôi là cựu Tổng Trưởng Quốc Phòng nên tôi nghĩ Chúa muốn chính Mục sư Dương Kỳ, Đại Tá Tuyên Úy Trưởng Ngành Tuyên Úy Quân Đội, làm lễ báp tem cho tôi. Nghi thức này được thực hiện ngay trong chốn lao tù nơi tôi bị giam giữ.

Sau Khi Tin Chúa

Những Thay Đổi Bước Đầu

Sau khi tin Chúa, tôi cảm thấy vui mừng trong nội tâm. Vui mừng vì tất cả tội lỗi của tôi trong quá khứ được Chúa tha thứ tẩy sạch. Đó là một gánh nặng mà tôi phải mang cho đến chết nếu tôi không được Chúa cứu. Lời Chúa trong Kinh Thánh còn hứa chắc chắn rằng Chúa dành cho tôi một chỗ ở trên thiên đàng khi tôi rời bỏ đời này. Trước đây, khi còn thờ thần tượng, không có đấng nào dám hứa với tôi như thế.

Tôi quyết tâm ăn năn tội lỗi, sống một cuộc sống mới thanh sạch gương mẫu. Tôi tuyệt nhiên không hút thuốc lá, uống rượu, cờ bạc là những điều dễ vấp phạm trong cảnh buồn khổ ở trại giam.

Được Lời Chúa nhắc nhở dạy dỗ hằng ngày, tôi sống vui vẻ hạnh phúc hơn. Được tình thương yêu lớn lao của Chúa bao bọc, tôi nhìn bạn bè xung quanh với sự yêu thương chân thật. Tôi luôn luôn tìm cách giúp đỡ bạn bè trong các công tác lật vạt như vá quần áo, sửa chữa đồ dùng (Tôi được anh em khen là rất khéo tay!) Tôi tích cực chia xẻ gánh vác mọi công việc khó khăn nặng nhọc ở buồng như vét giếng, sửa nhà v.v.. Đối với bạn bè nóng tánh, tôi luôn luôn nhường nhịn và sẵn sàng tha thứ mỗi khi bị xúc phạm. Tôi sẵn sàng chia xẻ những gì tôi có cho bạn bè thiếu thốn từ thức ăn, thuốc uống cho đến các thứ nhu cầu khác.

Chúa Sống Trong Tôi

Những sự thay đổi trong con người tôi không phải do tài giỏi, đức độ riêng của tôi, bèn là Chúa sống trong tôi. Chúa đã diệt cái bản ngã thấp hèn của tôi rồi. Tôi xin mượn lời Vua Đa vít chép trong Thi thiên 51:9,10 để diễn tả tâm tình của tôi: "Xin Chúa ngoảnh mặt khỏi các tội lỗi tôi, và xóa hết thảy sự gian ác tôi. Đức Chúa Trời tôi ôi! Xin hãy dựng nên trong tôi một lòng trong sạch, và làm cho mới lại trong tôi một thần linh ngay thẳng."

Tôi nghĩ lại quá khứ, không còn tin nơi tương số, vận may. Lớn lên trong đức tin và sâu nhiệm Lời Chúa, tôi thấy rõ ràng tình thương của Chúa đến với con người bằng cửa hoạn nạn. Thật vậy, không có hoạn nạn, chắc tôi chưa tìm gặp Chúa và được Chúa cứu. So sánh cái "được" và cái "mất" từ 1975 đến ngày tôi tin Chúa, tôi mất tất cả: tài sản, địa vị, danh vọng, hạnh phúc, tự do v.v... Nhưng đổi lại, tôi có Chúa, có Đấng Quyền Năng, Hằng Hữu che chở, dẫn dắt, ban cho. Chẳng những ban cho trong đời này mà cho cả đời sau nữa. Cái được của tôi thật vô cùng lớn lao. Con xin cảm tạ ơn Chúa!

Ơn Phước Của Chúa Trần Đầy Trên Đời Sống Tôi

Ơn Phước Được Nhóm Họp Thờ Phụng

Mục sư Dương Kỳ cất cử Mục sư Võ Ngọc Thiên-Lộc phụ trách chăn giữ nhóm tín hữu buổi 3 chúng tôi. Tôi rất quý mến Mục sư Lộc, người còn trẻ chưa lập gia đình, tính tình cởi mở, rộng rãi, hào phóng. Mục sư Lộc rất được ơn trước mặt Chúa. Hằng tuần, Mục sư đều cố gắng trèo rào vô buổi nhóm họp thờ phụng rao giảng Lời Chúa cho chúng tôi.

Một điều lạ lùng ngoài sức tưởng tượng của tôi là Chúa đã gìn giữ che chở chúng tôi được bình an trong suốt 229 tuần lễ kể từ ngày tôi tiếp nhận Chúa đến ngày tôi được

tha về với gia đình (2/9/1987). Bình thường, mọi sự xuất nhập ở buồng 3 chỉ trong khoảnh khắc là được hệ thống báo cáo viên đặt ở các buồng xung quanh chúng tôi trình lên cán bộ trại ngay. Điển hình là đã có 4 anh em tướng lãnh vừa ra khỏi buồng 3 để liên hệ với bạn bè thì bị cán bộ trực trại xuống tập họp điểm danh làm kiểm điểm. Đó là các Tướng Trần Bá Di, Hồ Trung Hậu, Lam Sơn, và Trần Văn Cầm. Thế nhưng, trong suốt 229 tuần lễ, Mục sư Lộc ra vào buồng sinh hoạt tôn giáo với anh em Cơ-đốc nhân chúng tôi thì được Chúa che chở bình an vô sự.

Chúa Tiếp Trợ Lương Thực

Giữa năm 1984, hai vị cựu Tuyên Úy là Mục sư Nguyễn Văn Nghi và Mục sư Võ Xuân được Chúa cảm động lên trèo rào vào thăm chúng tôi. Bốn anh em chúng tôi, các tướng lãnh đã tin Chúa, rất vui mừng vì chúng tôi khao khát muốn được nghe Lời Chúa qua các vị Mục sư.

Chúng tôi cố giữ mời hai Mục sư ở lại dùng cơm trưa với chúng tôi. Khi được hai vị đồng ý, anh Trực bàn với tôi để anh với anh Quảng và cụ Á tiếp Mục sư, còn tôi lo nấu cơm trưa. Tôi hơi bối rối vì thiếu chuẩn bị. Món mặn thì có cá khô và lạp xưởng tạm được, nhưng thiếu món canh vì không có rau tươi. Tôi cúi đầu cầu nguyện xin Chúa tiếp trợ chúng tôi. Cầu nguyện xong, tôi đi xuống bếp thì thấy Tướng Lý Tông Bá đang ôm trên tay một bó

bạc hà vừa mới nhổ ở luống rau của anh. Tôi mừng quá gọi ngay anh Bá lại và ngỏ ý xin. Anh Bá sẵn sàng cho tôi hết bó rau. Anh nói sáng nay tự nhiên anh có ý nhổ bó bạc hà để dọn đất trồng thứ rau khác và anh "không có nhu cầu" dùng rau bạc hà.

Trong bữa cơm trưa, tôi nói cho hai Mục sư biết món canh chua bạc hà là do Chúa tiếp trợ. Chúng tôi cúi đầu cầu nguyện cảm tạ Chúa.

Được Che Chở Nhờ Đức Tin

Giữa năm 1985, nhà tôi ra trại Nam Hà thăm nuôi tôi. Tôi được tin này từ chiều hôm trước và chuẩn bị sáng hôm sau ra gặp vợ.

Tối hôm ấy, một số anh em trong buồng ngỏ ý xin tôi cho gửi thư về nhà. Đây là loại thư mang tay viết ngắn gọn để xin thuốc men lương thực. Việc làm này đầy rủi ro bất trắc. Nếu ra cổng trại bị khám xét có thư trong người thì bị đuổi trở vô, không cho ra gặp người thân.

Thật ra thì nếu tôi từ chối thì anh em cũng thông cảm thôi, nhưng tôi cậy ơn Chúa che chở, bảo anh em cứ viết cho thật ngắn gọn, sáng mai sẽ tùy cơ ứng biến. Tôi cầu nguyện xin Chúa giúp đỡ, che chở cho tôi mang thư ra bình yên. Tôi cảm thấy lòng nhẹ nhàng, bình an, tin quyết nơi Chúa.

Sáng hôm sau, tôi nhận 12 lá thư con xếp nhỏ gọn để dễ mang ra trại. Thay vì cất giấu trong người, tôi nghĩ ra

một cách là cầm gọn trong bàn tay trái, nếu cán bộ bắt gặp thì có cơ nói mang ra công khai để xin phép cán bộ chú không ý gian. Với ý nghĩ đó, tôi mạnh dạn bước ra cổng trại theo các anh em đi thăm nuôi.

Hôm đó trời mưa lấm tấm, tôi mang theo áo mưa khoác ở tay trái. Khi đến trước mặt cán bộ trực trại, anh ta hỏi: "Anh có mang thư từ gì trong người không?" Tôi không dám nói dối là không, vì nói dối là vấp phạm. Tôi bình tĩnh trả lời, xin cán bộ cứ khám xét người tôi. Vừa nói tôi vừa giơ hai tay lên cao đưa người cho anh ta khám. Anh nhìn vào mắt tôi để dò xét rồi sờ mó qua người tôi từ trên xuống dưới, xong bảo tôi đi.

Qua khỏi chỗ đó, tôi hết sức vui mừng cảm tạ ơn Chúa. Lòng tôi nhẹ nhõm, lâng lâng hạnh phúc vì sắp gặp lại vợ, lại sung sướng làm xong nhiệm vụ đối với anh em trong phòng giam.

Chúa Canh Giữ Tôi

Tôi được thả về với gia đình từ giữa tháng 9/1987 sau 12 năm 3 tháng đi cải tạo. Cảm tạ ơn Chúa, từ ngày tôi về đến nay thấm thoát đã 3 năm. Gia đình chúng tôi đi nhóm họp thờ phượng Chúa tại một Hội Thánh gần nhà. Gia đình chúng tôi sống sung túc, hạnh phúc hơn lúc tôi chưa về.

Đầu năm 1990, tôi và nhà tôi có việc đi Tây Ninh thăm đứa con gái là Mỹ Hoa có chồng và một con sinh sống tại

thị xã. Trời trở rét buổi sáng, chúng tôi đến cửa hàng buôn bán tổng hợp ở Phường 1, Thị xã Tây Ninh để chọn mua áo khoác ấm. Đây là loại hàng cũ do nước ngoài viện trợ, được đổ ra trên nền nhà để khách hàng tự lựa chọn mua. Lúc ấy rất đông người, và sau khi mua xong, tôi và nhà tôi đi công việc đến gần trưa mới trở về nhà Mỹ Hoa. Bất chợt khi sờ vào túi, tôi thấy ví tiền không còn nữa. Tôi tập trung trí nhớ xem bỏ quên hay mất ở đâu. Vợ tôi nhắc khi sáng tôi có lấy ví ra trả tiền áo ở cửa hàng.

Cả nhà đều nói không hy vọng tìm lại được, may lắm là chỉ lấy lại giấy tờ tùy thân, còn tiền thì chắc chắn mất. Tôi không tuyệt vọng vì trước khi đi tôi có cầu nguyện xin Chúa che chở giữ gìn cho tôi mọi sự được bình an. Tôi lấy xe đạp cùng người rể trở ra thị xã. Dọc đường tôi không ngớt cầu nguyện xin Chúa giữ gìn của cải tôi.

Khi đến cửa hàng, tôi vào hỏi một cô bán hàng có thấy cái ví tôi bỏ quên hoặc đánh rơi tại đây không? Cô vui vẻ bảo tôi tả hình dáng cái ví và nói đúng số tiền trong đó. Tôi mô tả chiếc ví và nói đúng số tiền 400,000 toàn giấy 5,000 đồng. Cô bán hàng lấy ra trong ngăn kéo trả lại tôi chiếc ví và số tiền đầy đủ. Tôi đề nghị tặng cô một số tiền, cô nhất định không nhận. Tôi nhờ rể tôi đến tòa soạn báo Tây Ninh đăng bài cảm ơn cô. Cảm tạ Chúa đã gìn giữ con mọi sự được bình an.

Đoạn Kết

Từ khi đi cải tạo về, Chúa đã ban phước trên gia đình chúng tôi. Được tin tôi được tha về, bạn bè xa gần gửi thư thăm hỏi, chia mừng và giúp tiền bạc để tôi gây dựng lại cuộc sống gia đình.

Cảm tạ Chúa, đến nay gia đình chúng tôi sống đầy đủ, tiện nghi hơn trước. Con cái, dâu rể, chị em, cháu nội ngoại tập hợp về ở chung với vợ chồng tôi thật đông. Hộ khẩu gia đình tôi lên tới 22 người chưa kể vài đứa cháu ở tạm trú.

Chúa cũng cất gánh lo âu cho chúng tôi trên phương diện nhà cửa. Mặc dù ngôi nhà tôi đang ở do chính chúng tôi mua sắm trước đây, nhưng nay do Nhà Nước quản lý. Trước đây bị đe dọa lấy nhà, nay được để yên (do chính sách cởi mở hơn).

Nhờ đứa con gái ở Mỹ (Ngọc Lan) gửi tiền về đều đặn, cộng thêm thu nhập của gia đình, chúng tôi không còn phải lo lắng túng thiếu nữa.

Ngoài cuộc sống thuộc thế, Chúa lại ban cho chúng tôi một cuộc sống tâm linh thật dồi dào phong phú. Con gái lớn chúng tôi là Nguyễn Thị Ngọc Thu, từ nhiều năm nay được hầu việc Chúa trong Ban Trị Sự Hội Thánh. Vợ chồng tôi và Ngọc Thu ở trong ban hát lễ tráng niên của Nhà thờ để luôn dâng cho Chúa lời ca tiếng hát ngợi khen tôn vinh Ngài.

Tôi lại được hầu việc Chúa trong Ban Điều Hành Tráng niên và Ban Truyền Giảng của Hội Thánh để góp một phần nhỏ trong sứ mạng mà Chúa giao cho tất cả con cái Ngài. Đó là : "Hãy đi khắp thế gian giảng Tin Lành cho mọi người" (Mác 16:15).

Viết xong ngày 2 tháng 6 năm 1990

Nguyễn Hữu Có

